TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2021/HN-ST
Ngày: 23-4-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hồng**

2. Ông **Trịnh Văn Bé**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 973/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "**Ly hôn, nuôi con và chia tài sản**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 2000 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 531, tổ 18, ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.
2. Bị đơn: Ông **Lê Thành L**, sinh năm 1998 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày, bà và ông Lê Thành L tự nguyện tìm hiểu và sống chung vào năm 2018, có đăng ký kết hôn năm 2019. Vợ chồng chung sống với nhau được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, chồng cờ bạc không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 02/2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, Bà Nyêu cầu được ly hôn với ông Lê Thành L.

Về con chung: Bà Nxác định vợ chồng có 01 con chung tên Lê Minh Khôi, sinh ngày 29/01/2020, hiện con đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được

tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 10 chỉ vàng cưới 24k (9999) hiện ông L đang giữ. Bà yêu cầu chia đôi số vàng trên.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 29/12/2020 bà Nguyễn Thị Kim N có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản chung 10 chỉ vàng 24k (9999).

Bị đơn ông Lê Thành L trong quá trình giải quyết đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của Bà Nvà triệu tập hợp lệ, nhưng ông không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hòa giải, nên không ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim N vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ông Lê Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa, nhưng ông vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện xin ly hôn ông Lê Thành L có nơi cư trú Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Lê Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa, nhưng ông vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Thành L là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị Kim N có đơn rút lại yêu cầu chia tài sản chung 10 chỉ vàng 24k (9999). Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện của Bà Nkhông trái với đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đình chỉ yêu cầu này.

[2]- Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Thành L sống chung vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn năm 2019. Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Chồng cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 02/2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, Bà Nxin ly hôn ông L. Hội đồng xét xử xét thấy, Bà Nvà ông L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của Bà Nvà triệu tập hợp lệ ông L để giải quyết, nhưng ông không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi hòa giải, điều này chứng tỏ tình cảm của ông L đối với Bà Nkhông còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc, nên yêu cầu của Bà Nphù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Bà Nxác định vợ chồng có 01 con chung tên Lê Minh Khôi, sinh ngày 29/01/2020, hiện đang sống với bà Nhi. Sau khi ly hôn, bà yêu

cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con phải được xem xét trên cơ sở điều kiện, nuôi dưỡng về vất chất, cũng như tinh thần, đảm bảo cho con chung phát triển tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội. Cháu Khôi được Bà Nchăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian dài, có cuộc sống ổn định nên tình cảm gắn bó với bà Nhi. Bên cạnh đó, cháu Khôi hiện nay còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường của cháu Khôi, nên yêu cầu của Bà Nvề việc nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật của bà Nhi. Hội đồng xét xử xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn nhằm giúp cho việc chăm sóc nuôi dưỡng con được tốt hơn, nên yêu cầu của Bà Nlà có cơ sở chấp nhận.Theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng nuôi con bằng ½ mức lương cơ bản là 750.000đ, Hội đồng xét xử thống nhất buộc ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ cho đến khi cháu Khôi thành niên và tự lập được.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Bà Nkhông yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4]- Về nợ chung: Bà Nxác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 217, 227, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà **Nguyễn Thị Kim N** xin ly hôn ông **Lê Thành L**.

Về quan hệ con chung: Bà Nđược tiếp tục nuôi 01 con chung tên tên Lê Minh Khôi – Sinh ngày 29/01/2020, hiện đang sống với bà Nhi. Ông Lê Thành L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000đ cho đến khi cháu Khôi thành niên và tự lập được.

Bà Ncùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung 10 (Mười) chỉ vàng 24k (9999) của bà Nguyễn Thị Kim N.

Về nợ chung: Ghi nhận Bà Nxác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà Nhi, ông L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 925.000đ (Chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số 009067 ngày 08/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, Bà Nđược nhận lại 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Ông Lê Thành L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Kiến Thành;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức